TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 27/6/2018
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Xuân Cường và ông Hoàng Thanh Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch: Không.

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2018. Tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2017/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2017, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX – ST ngày 16/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Khánh Tr, sinh năm 1985; Trú tại: 69/21 P, phường K, TP. H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt lần hai tại phiên toà không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Lê Văn M kết hôn với nhau vào ngày 03/5/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống trái ngược nhau, anh M luôn kiếm cớ tìm chị ở bất kỳ ở chổ nào như ở nhà chị, giữa đường hoặc tại nơi công tác để xúc phạm và đánh đập chị nhiều lần có tính chất nghiêm trọng, dã man. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là: Lê Hoàng M, sinh ngày 10/7/2011. Sau khi ly hôn chị Tr có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Văn M, tiếp đến Toà án đã nhiều lần tiến hành triệu tập cả nguyên đơn và bị đơn đến để viết bản tự khai, nhưng chỉ phía nguyên đơn là chấp hành đầy đủ, riêng phía bị đơn thì đến ngày 21/12/2017 mới có mặt tại Toà án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án. Tuy nhiên tại buổi làm việc sau khi Chủ toạ phiên họp đặt vấn đề và công khai các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu của nguyên đơn theo đơn khởi kiện (Tình cảm, con cái, tài sản), hai bên đương sự đã đối thoại trao đổi trực tiếp về các quan điểm yêu cầu giải quyết trong vụ án. Khi trao đổi, đối thoại đến vấn đề con chung thì phía bị đơn, anh Lê Văn M tỏ thái độ nóng nảy, bất hợp tác và tự ý bỏ về trước sự giải thích, phân tích của Chủ toạ phiên họp. Toà án tiếp tục nhiều lần triệu tập hợp lệ anh M đến làm việc nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không tham gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đối với vụ án kiện xin ly hôn này, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch không tiến hành hòa giải được trước khi đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là do phía bị đơn đã đến Toà án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án nhưng không phối hợp làm việc và tự ý bỏ về. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 16/5/2018 nhưng bị đơn không có mặt tại nơi cư trú và không rỏ thời gian trở về, nên Toà án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên toà bị đơn vắng mặt không có lý do, ngày 07/6/2018 Toà án tiếp tục tống đạt Quyết định hoãn phiên toà trong đó có ấn định ngày mở lại phiên toà cho bị đơn, nhưng bị đơn không có mặt tại nơi cư trú và không rỏ thời gian trở về, nên Toà án đã tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến ngày mở phiên toà anh M vẫn tiếp tục vắng mặt mà không có lý do chính đáng, như vậy theo quy định của pháp luật bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Lê Văn M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Tr và anh M kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống theo các bên đương sự trình bày cuộc sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó vì nhiều lý do khác nhau mà phát sinh mâu thuẫn như đã trình bày ở trên, do mâu thuẫn quá lớn, âm ỉ kéo dài không thể khắc

phục để dung hoà và xây dựng hạnh phúc gia đình được nữa nên chị Tr mới làm đơn ly hôn anh M, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập anh M đến để làm việc, mặc dù anh M đã biết chị Trình làm đơn xin ly hôn mình tại Toà án, tuy nhiên anh M vẫn bàng quang, không quan tâm, bất hợp tác và không chấp hành pháp luật, chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của anh M quá kém, đồng thời đã tự tước đi quyền được tham gia để trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được pháp luật bảo hộ, có lần anh M đến tại Toà án nhưng không phối hợp làm việc và tự ý bỏ về. Như vậy anh M vừa không chấp hành pháp luật vừa cố tình dấu địa chỉ, không thực hiện nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật, không thông báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Toà án về địa chỉ mới khi chuyển đến. Tại phiên toà chị Trình kiên quyết xin được ly hôn anh M, chứng tỏ giữa hai người không còn tình cảm, mâu thuẩn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho chị Tr được ly hôn anh M là có căn cứ.

[2.2] Về quan hệ con cái:

Vợ chồng có 01 con chung tên là: Lê Hoàng M, sinh ngày 10/7/2011. Sau khi ly hôn chị Tr có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Đồng thời chị Tr cung cấp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ chứng minh hiện nay chị có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập thường xuyên đủ để nuôi dưỡng bản thân và con cái, có nơi ở ổn định, trong khi đó anh M không có chổ ở ổn định, thường xuyên di chuyển chổ ở, cố tình dấu địa chỉ. Hội đồng xét xử thấy rằng trách nhiệm nuôi dưỡng con chưa thành niên là của vợ hoặc chồng, tuy nhiên hiện nay con đang còn nhỏ cần sự ổn định để học hành và sự chăm sóc của người mẹ là cần thiết để đảm bảo ổn định tâm sinh lý, phát triển thể chất bình thường, do đó cần giao con chung cho chị Trình trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh M không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Khánh Tr được ly hôn anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Hoàng M, sinh ngày 10/7/2011 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh M không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị Tr. Sau khi ly hôn anh Lê Văn M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. *Về án phí: Á*p dụng Điều 147 BLTTDS; điểm a Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị Trương Thị Khánh Tr phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2017/0002662 ngày 21/11/2017, chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAQB;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADSBT;
- UBND xã P;
- Lưu HSVA; Lưu AV;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng